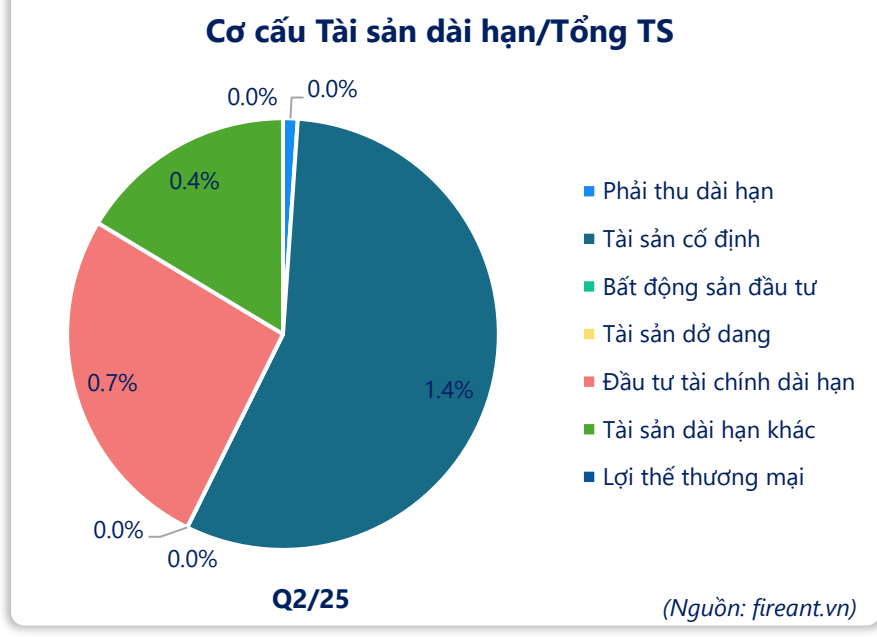
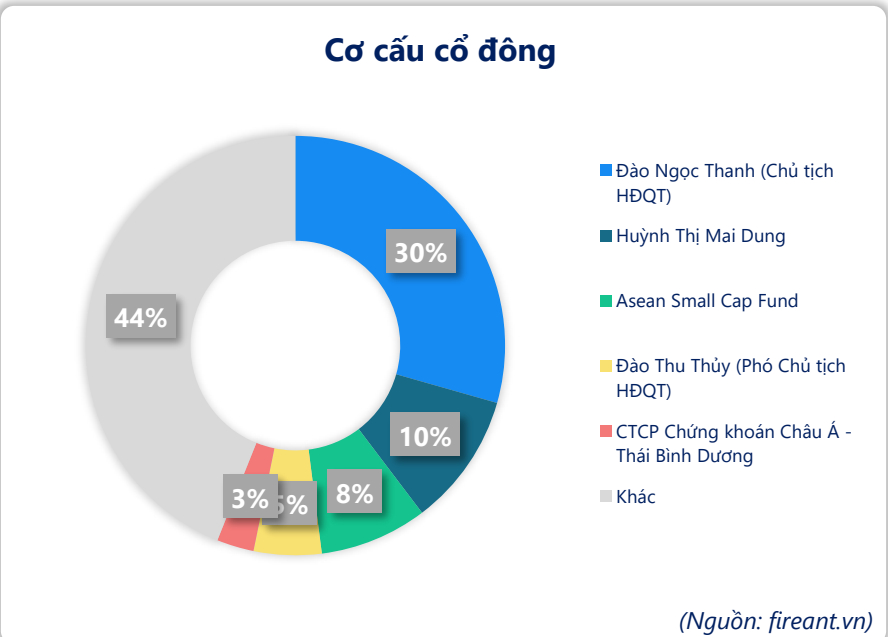
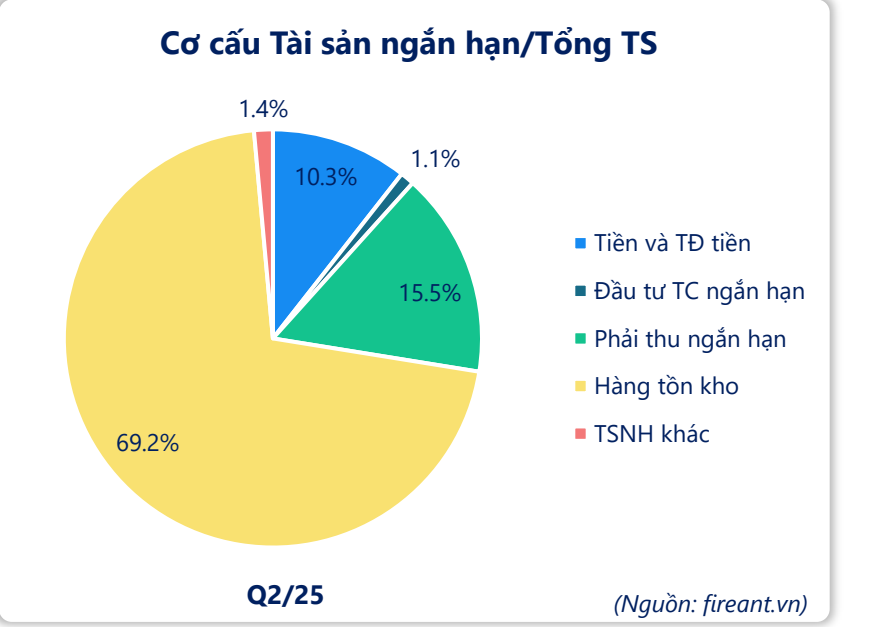
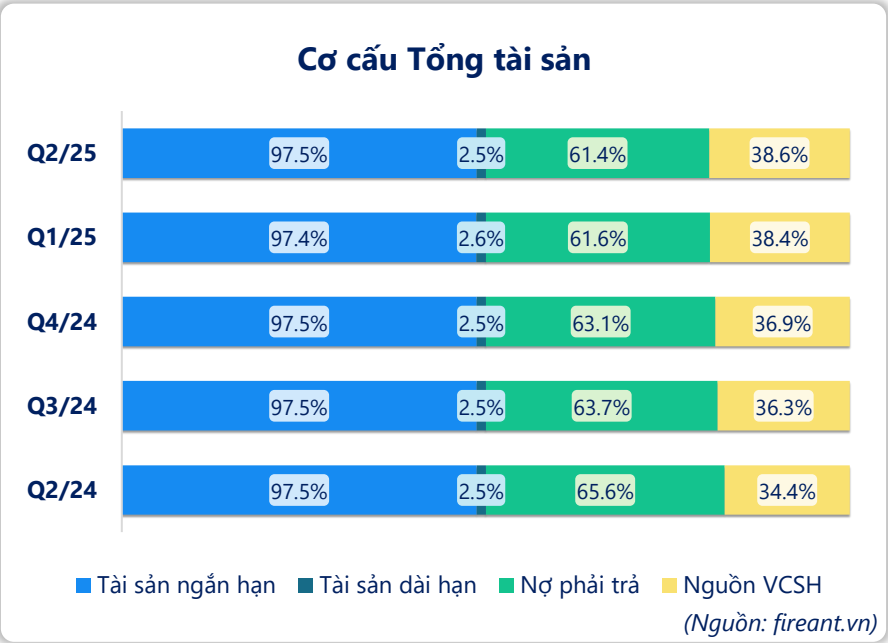
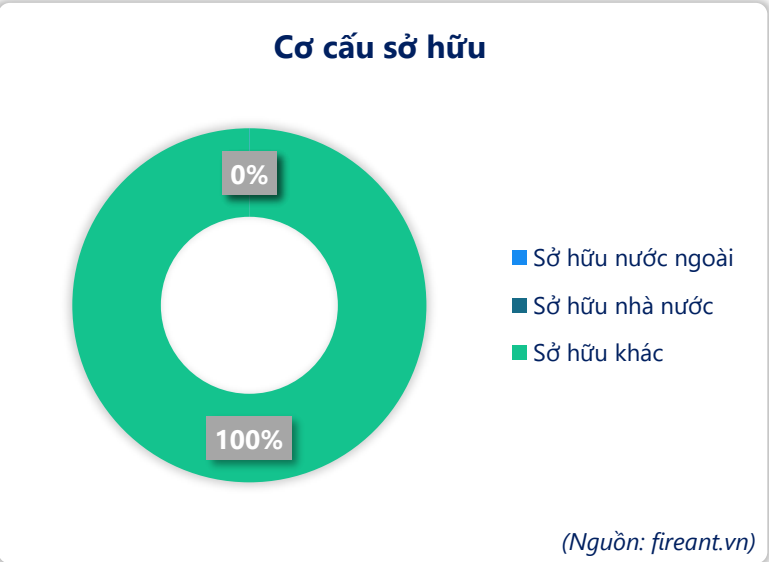
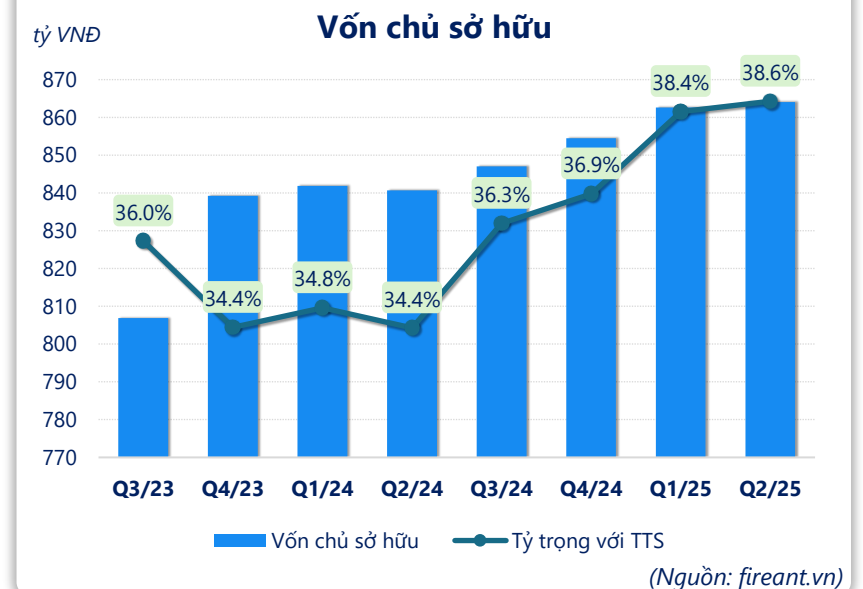
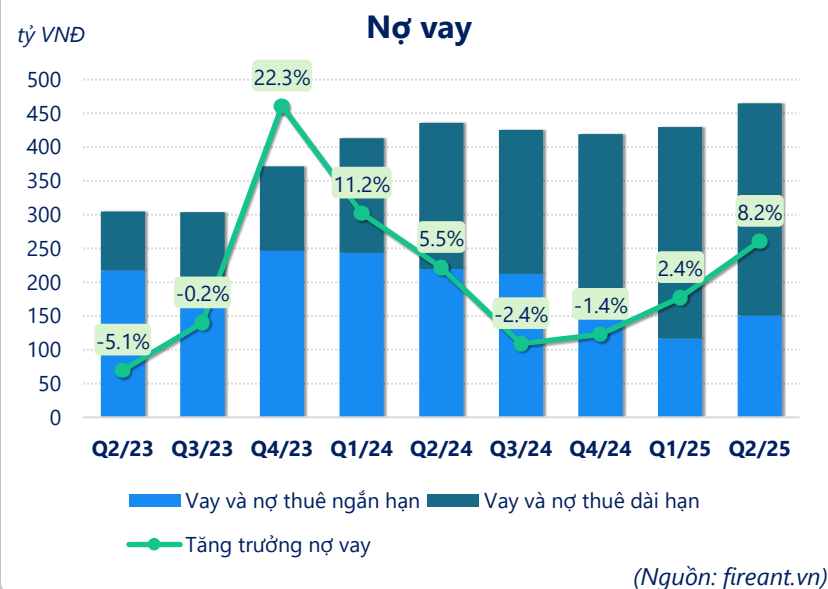
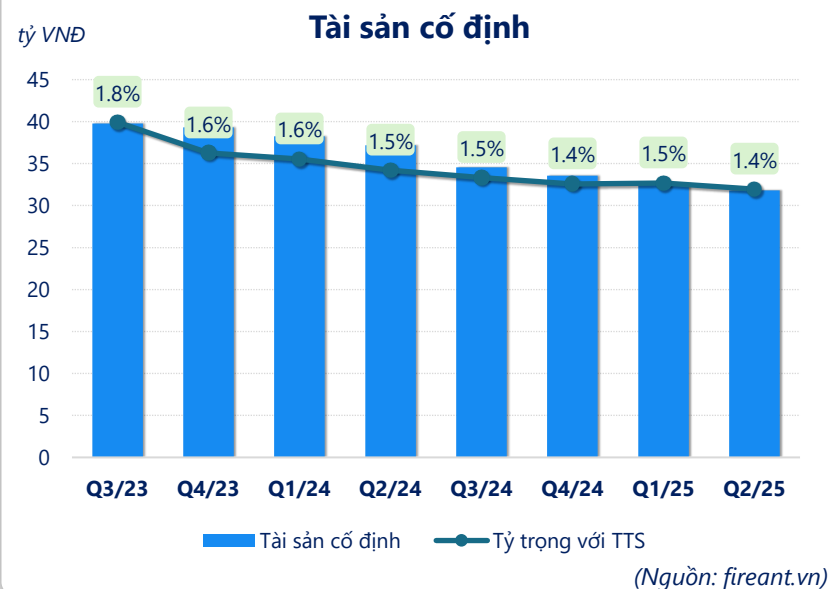
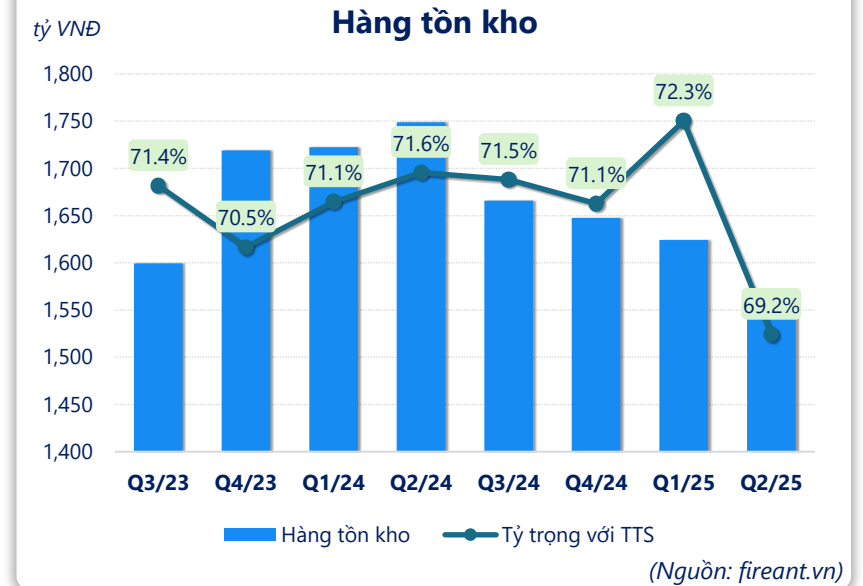
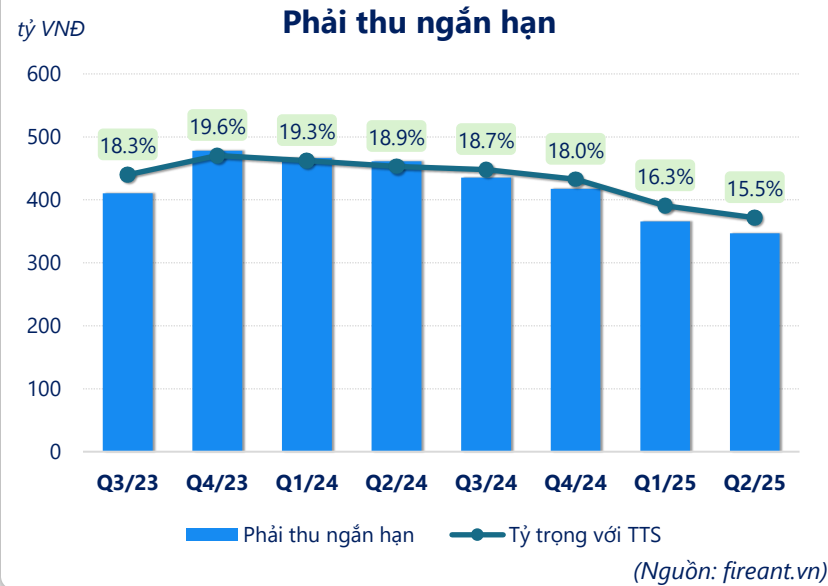
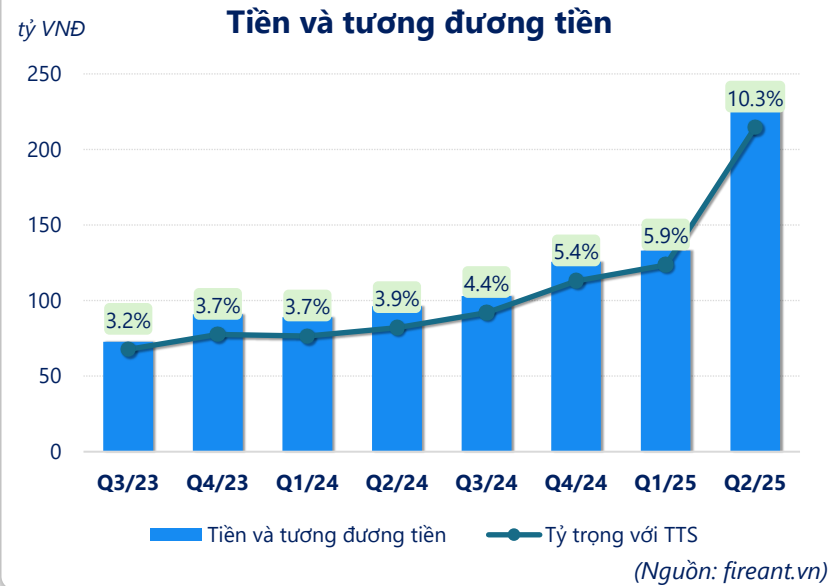
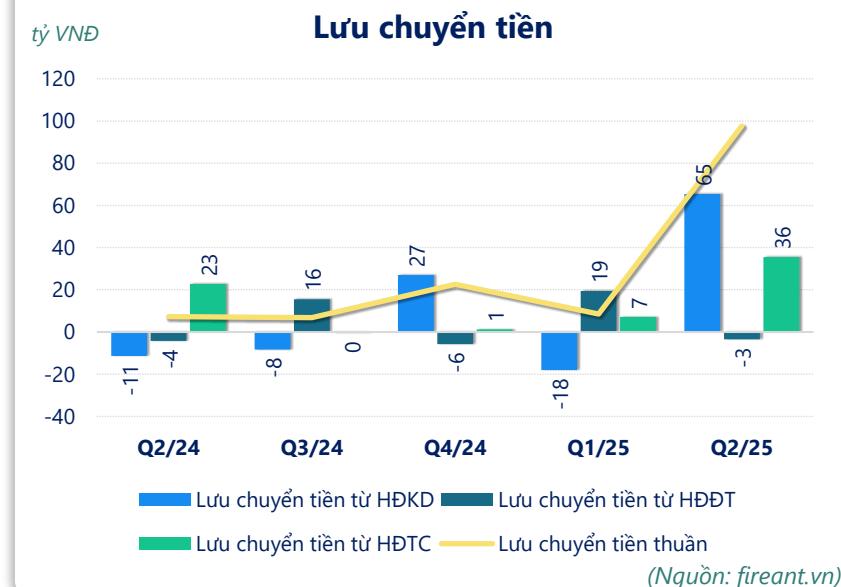
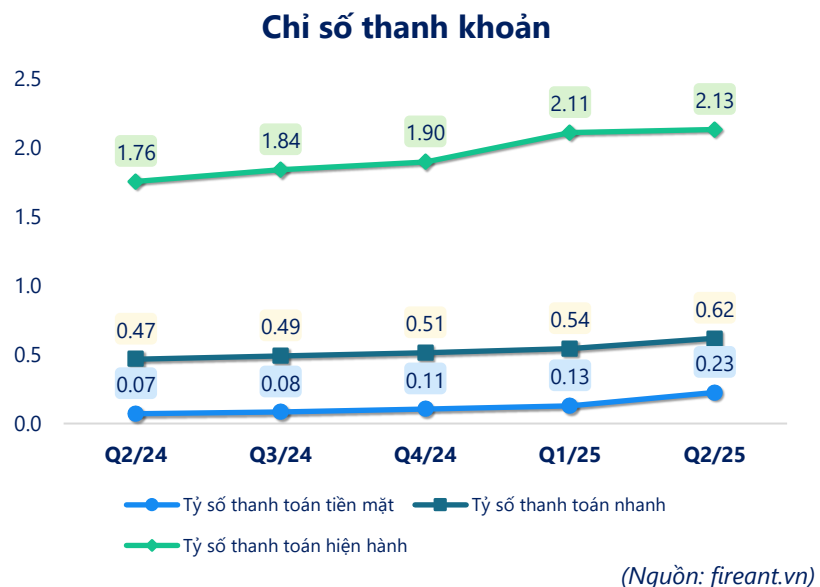
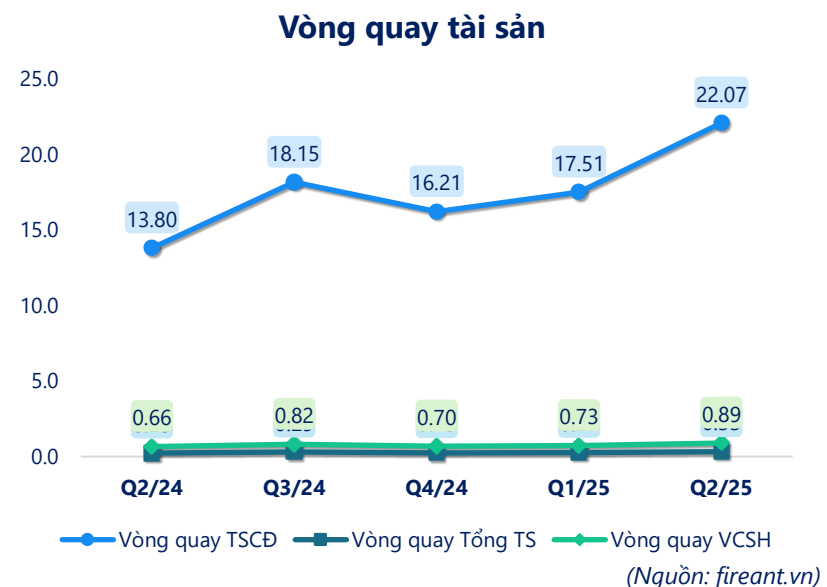
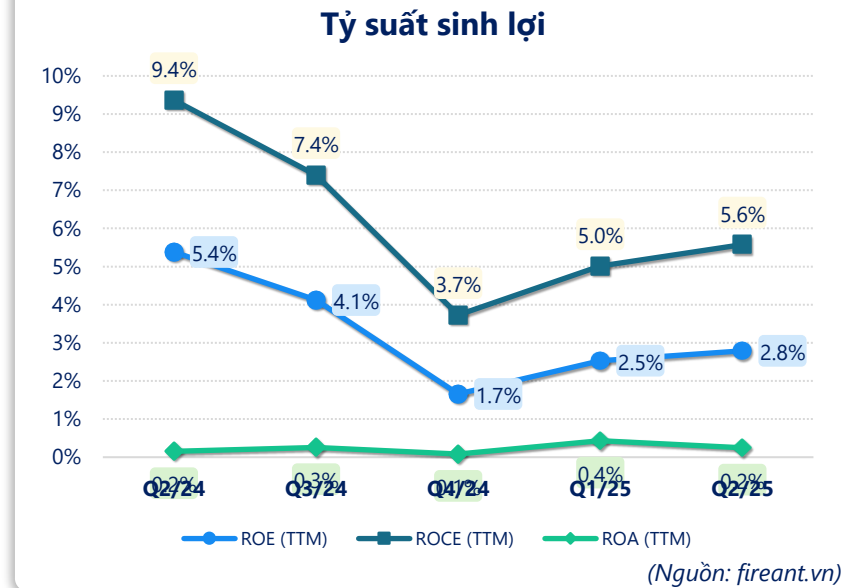
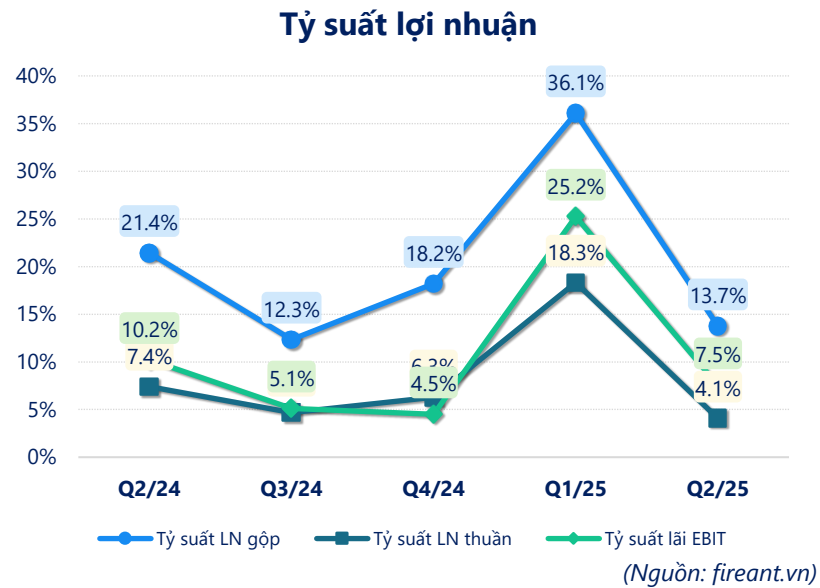
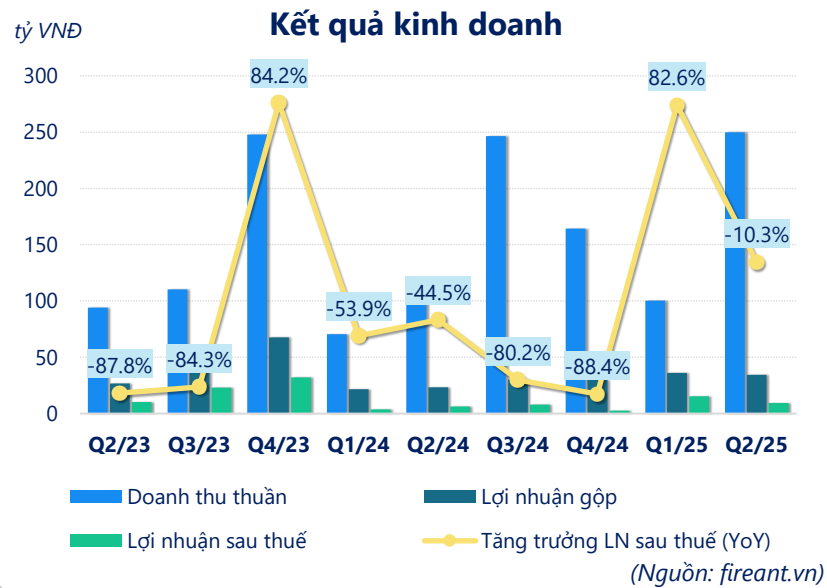


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		20,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		32,258
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		15,538
SL cổ phiếu LH		41,149,264
KLGD BQ 20 phiên (CP)		33,665
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		852
P/E		35.8
EPS		578

	YTD	1T	3T	6T
CSC	-16.2%	-2.2%	-9.6%	-22.0%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,239	2,309	-3.1%
Tài sản ngắn hạn	2,182	2,249	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	231	125	85.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	23.7	23.7	0.0%
Phải thu ngắn hạn	347	414	-16.4%
Hàng tồn kho	1,549	1,641	-5.6%
Tài sản ngắn hạn khác	31.7	44.6	-29.0%
Tài sản dài hạn	56.5	60.8	-7.0%
Phải thu dài hạn	0.62	0.30	106%
Tài sản cố định	31.8	33.5	-5.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	14.9	16.4	-9.4%
Tài sản dài hạn khác	9.27	10.5	-12.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,375	1,463	-6.0%
Nợ ngắn hạn	1,023	1,151	-11.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	151	144	4.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	345	407	-15.1%
Nợ dài hạn	351	312	12.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	314	278	13.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	864	847	2.0%
Vốn chủ sở hữu	864	847	2.0%
Vốn điều lệ	374	374	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	109	246	164	100	250
Giá vốn hàng bán	85.8	216	134	64.2	216
Lợi nhuận gộp	23.4	30.4	29.9	36.3	34.3
Doanh thu HĐTC	0.81	0.79	1.22	0.39	1.17
Chi phí TC	3.18	3.06	3.80	5.61	6.94
Chi phí lãi vay	3.09	3.08	3.80	5.61	6.86
LN trong công ty LKLD	0.44	1.67	0	0	0.36
Chi phí bán hàng	5.67	11.6	9.64	7.22	10.3
Chi phí QLDN	7.71	6.70	7.36	5.41	8.43
LN thuần từ HĐKD	8.09	11.5	10.3	18.4	10.1
Lợi nhuận khác	-0.04	-2.00	-6.72	1.34	1.84
LN trước thuế	8.05	9.54	3.60	19.8	12.0
Lợi nhuận sau thuế	6.21	7.86	2.51	15.3	9.43
LNST của CĐ cty mẹ	3.57	5.93	1.98	10.1	5.78

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-11.3	-8.31	27.1	-18.0	65.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.21	15.6	-5.78	19.4	-3.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	22.8	-0.43	1.28	7.17	35.6
Tiền đầu kỳ	89.0	96.3	103	125	133
Lưu chuyển tiền thuần	7.31	6.82	22.6	8.51	97.6
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	96.3	103	126	133	231

(Nguồn: fireant.vn)